

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ N  
TỈNH TH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 20-7-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ N, TỈNH TH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Mai Đình Thuận.

Các hội thẩm nhân dân : Ông: Trương Văn Bắc

Ông: Quản G Thao

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Việt Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã N tỉnh TH

Ngày 20/7/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã N, tỉnh TH xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2023/TLST- DS ngày 03/01/2023 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2023/DS-ST ngày 06/7/2023, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Hồ Văn T - sinh năm: 1966

Bà Trương thị O - Sinh năm 1970

Đều trú tại: TDP Hồ Trung, phường Tân Dân, thị xã N, tỉnh TH.

**- Bị đơn:** Anh Dương Ngọc Q - Sinh năm 1979

Chị Trần Thị G - Sinh năm: 1983

Đều trú tại: TDP Hồ Trung, phường Tân Dân, thị xã N, tỉnh TH.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trương Thị O, ông Hồ Văn T trình bày: Do quen biết và là người cùng tổ dân phố. Ngày 20/3/2018 vợ chồng ông bà có cho vợ chồng anh Dương Ngọc Q, vợ là Trần Thị G vay số tiền là 100.000.000đ, thời hạn trả vào ngày 25/01/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/1 tháng, nhưng không viết vào giấy vay tiền.

Quá trình vay số tiền trên thì cuối năm 2019 chị G anh Q không trả tiền lãi cho ông, nhưng đã trả cho ông số tiền gốc là 27.000.000đ, sau đó không trả nữa. Vợ chồng ông bà đã đòi rất nhiều lần nhưng vợ chồng anh Q, chị G không trả.

Ngày 12/01/2021, anh Q, chị G đã viết giấy hẹn trả nợ 73.000.000đ và phương án trả nợ, trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả 10.000.000đ và sẽ trả từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 12/2020 (âm lịch). Nhưng anh Q và chị G đã không thực hiện như giấy hẹn trả nợ và không trả cho ông được đồng nào đối với số tiền trên từ đó cho đến nay.

Nay ông, bà yêu cầu anh Q, chị G có trách nhiệm trả cho ông, bà số tiền gốc là 73.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

**\* Bị đơn Anh Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G trình bày:**

Ngày 20/3/2018 vợ chồng anh có vay vợ chồng ông Hồ Văn T và bà Trương Thị O số tiền là 100.000.000đ, thời hạn trả vào ngày 25/01/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/1 tháng, nhưng không viết vào giấy vay tiền.

Quá trình vay số tiền trên thì cuối năm 2019 vợ chồng anh đã trả cho vợ chồng ông T, bà O số tiền gốc là 27.000.000đ và chưa trả tiền lãi.

Do khó khăn về kinh tế không có điều kiện để trả cho ông T, bà O số tiền trên. Ngày 12/01/2021, vợ chồng anh đã viết giấy hẹn trả nợ 73.000.000đ và phương án trả nợ, trả dần theo hàng tháng, mỗi tháng trả 10.000.000đ và sẽ trả từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 12/2020 (âm lịch). Nhưng đến nay vẫn chưa trả được đồng nào cho ông T, bà O.

Hiện nay vợ chồng anh đang nợ ông T, bà O số tiền gốc là 73.000.000đ, vợ chồng anh sẽ có trách nhiệm trả cho ông T bà O số tiền trên nhưng hiện nay gia đình do kinh tế quá khó khăn, nên vợ chồng anh sẽ trả dần hàng tháng mỗi tháng là 10.000.000đ.

Tại phiên tòa ông Hồ Văn T và bà Trương Thị O vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu vợ chồng anh Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G phải có trách nhiệm trả cho ông, bà số tiền 73.000.000đ, trả một lần và ông, bà không yêu cầu tính lãi.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án: Theo ông Hồ Văn T và bà Trương Thị O trình bày: Ông T, bà O có cho vợ chồng anh Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G vay số tiền 100.000.000đ nhưng đã trả 27.000.000đ, số tiền còn lại là 73.000.000đ. Do đó xác định quan hệ tranh chấp trên là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự;

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu đòi 73.000.000đ của ông T, bà O đối với vợ chồng anh Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G cụ thể như sau:

Ngày 20/3/2018 vợ chồng ông T, bà O có cho vợ chồng anh Dương Ngọc Q, vợ là Trần Thị G vay số tiền là 100.000.000đ, hai bên có viết giấy vay tiền, thời hạn trả vào ngày 25/01/2019, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1%/1 tháng, nhưng không viết vào giấy vay tiền. Trong quá trình vay đã đến hạn trả nợ, ông T, bà O đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng anh Q, chị G trả cho ông bà số tiền trên nhưng anh Q chị G vẫn không trả. Quá trình vay vợ chồng anh Q, chị G đã trả cho ông T, bà O số tiền 27.000.000đ và sau đó không trả .

Ngày 12/01/2021, vợ chồng anh Q, chị G đã viết giấy hẹn trả nợ 73.000.000đ nhưng trả dần hàng tháng, mỗi tháng trả 10.000.000đ và sẽ trả từ ngày 10 đến ngày 20 tháng 12/2020 (âm lịch). Nhưng đến nay vẫn chưa trả được đồng nào cho ông T, bà O.

Vợ chồng anh Q, chị G thừa nhận hiện tại còn nợ vợ chồng ông T, bà O số tiền gốc là 73.000.000đ là đúng.

Do vậy Hội đồng xét xử khẳng định vợ chồng anh Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G có vay của ông bà Trương Thị O và ông Hồ Văn T và đã nhận đủ số tiền 100.000.000đ và hiện tại đã trả 27.000.000đ, số tiền nợ còn lại là 73.000.000đ.

Đối với mức lãi hai bên thỏa thuận 1%/1 tháng. Tuy nhiên trong suốt quá trình vay chưa thực hiện việc trả lãi và tại phiên tòa ông T bà O không yêu cầu tính lãi. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét về phần lãi suất đối với khoản tiền vay trên.

Do vậy chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị O và ông Hồ Văn T buộc vợ chồng anh Dương Ngọc Q, chị Trần Thị G phải có nghĩa vụ trả cho bà O, ông T số tiền gốc còn lại là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng)

[3] **Về án phí:** Do yêu cầu của bà Trương Thị O và ông Hồ Văn T được chấp nhận nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng Dương Ngọc Q và chị Trần Thị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng: Khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về án phí lệ, phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trương Thị O và ông Hồ Văn T

Buộc vợ chồng anh Dương Ngọc Q, chị Trần Thị G phải trả cho bà Trương Thị O và ông Hồ Văn T số tiền là 73.000.000đ (bảy mươi ba triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Trả lại cho bà Trương Thị O số tiền 1.825.000đ (một triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0012414, ngày 30/12/2022, tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã N, tỉnh TH.

Buộc vợ chồng anh Dương Ngọc Q, chị Trần Thị G phải chịu 3.650.000đ (ba triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TH;
- VKSND thị xã N;
- Chi cục THADS-TX N ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Đình Thuận**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Đình Thuận**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh TH;*
- VKSND thị xã N;*
- Chi cục THADS-TX N ;*
- Các đương sự;*
- Lưu hồ sơ vụ án.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Đình Thuận**

-

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Mai Đình Thuận**

